

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRACLE VN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MIRACLE VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIRACLE VN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MIRACO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110215287

3. Ngày thành lập: 26/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Tây, Thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0356415682

Fax:

Email: kinhdoanh.mico@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Lắp dựng và dỡ bỏ cốt pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốt pha, giàn giáo	4390
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;	4669
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
13.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí theo Điều 3,4 Luật Báo chí) Chi tiết: - Thiết lập mạng xã hội; (theo điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ-CP) - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (theo điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ thương mại điện tử (thực hiện theo khoản 6 Điều 1 Nghị định 85/2021/NĐ-CP)	6312

14.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; (Loại trừ các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính chưa được phân vào đâu, các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, Các dịch vụ ủy thác, giám sát đầu tư tài chính, chứng khoán trên cơ sở phí và hợp đồng)	6619
15.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán và chứng khoán)	7020
16.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
17.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, loại trừ các hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)	7490
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710
19.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
20.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
21.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
22.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng...	2399
23.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
25.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
26.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
27.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
28.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
29.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
30.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
31.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733

32.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
33.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
34.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;	2790
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Theo Điều 9 nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển	7730
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
40.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
41.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
43.	Tái chế phế liệu	3830
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;	3900
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 26/12/2022 đến ngày 25/01/2023

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN PHẦN	Số nhà 65B, Tổ 28C, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	0330830074 97	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THỊ HUỆ	Xóm Tây, Thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	0011910550 10	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000		

3	NGUYỄN THỊ HẠNH	P1501, Tòa K3, Chung cư H-CT2-Hi Brand, Khu ĐTM Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	038182049290
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	
4	PHAN THỊ PHƯƠNG THANH	P1514 chung cư Mỹ Đình Plaza, số 138 đường Trần Bình, tổ dân phố số 9, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	040192000154
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỆ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 11/01/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001191055010

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Tây, Thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Tây, Thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội